TÒA ÁN NHÂN DÂN
KỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc.

Bản án: **22/2018/DS - ST.**
Ngày: 06/6/2018.
"V/v: Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KỆN TÁNH LINH TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thông Phi.

2. Bà Phạm Thị Ngọc Hữu.

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Văn Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân Kện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Kện Tánh Linh tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Kện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2017/TLST- DS ngày 15 tháng 11 năm 2017, về *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXXST – DS, ngày 02/5/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Trường T, sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm 3 - Thôn 3 - Xã B – huyện T - Bình Thuận: Có mặt.

Bị đơn:

- Bà Phạm Thị Xuân H, sinh năm 1986; địa chỉ: Xóm 1 - Thôn 4 - Xã B – huyện T - Bình Thuận: Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Trọng K, sinh năm 1979; địa chỉ: Xóm 1 - Thôn 4 - Xã B – huyện T - Bình Thuận: Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Trong đơn khởi kiện ngày và các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn - Ông Phạm Trường T trình bày như sau:

Vợ chồng Nguyễn Trọng K, bà Phạm Thị Xuân H có vay mượn ông Phạm Trường T, bà Nguyễn Thị Mỹ L nhiều lần vào thời gian nào không xác định được. Đến ngày 01/4/2014, ông Phạm Trường T và vợ chồng ông Nguyễn Trọng K, bà Phạm Thị Xuân H xác định số tiền vay còn thiếu là 200.000.000đ. Hai bên không thỏa thuận lãi suất và thời hạn vay. Ông T có ghi nhận việc vay tiền vào sổ theo dõi cá nhân. Ngoài ra, cũng vào năm 2014, vợ chồng ông K, bà H có thuê ruộng của ông T với số tiền 15.500.000đ. Từ đó đến nay, vợ chồng ông K, bà H đã trả được số tiền 70.000.000đ. Số tiền này, ông K, bà H trả vào số tiền đã vay và số tiền thuê ruộng. Ông T xác định, hiện nay ông K, bà H còn nợ số tiền vay là 145.500.000đ.

Do ông Phạm Trường T xác định: Hiện nay ông T, bà Nguyễn Thị Mỹ L đã ly hôn. Bà Nguyễn Thị Mỹ L đã thừa nhận số tiền mà ông K, bà H nợ là 145.500.000đ là tài sản riêng của ông T. Cho nên, ông T khởi kiện yêu cầu ông K, bà H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T số tiền vay còn nợ là 145.000.000đ. Ông T không yêu cầu trả tiền lãi.

[2] Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn - ông Nguyễn Trọng K, bà Phạm Thị Xuân H trình bày như sau:

Sau khi tính toán các khoản tiền liên quan đến việc mua bán lúa và vay tài sản thì đến năm 2014 ông Nguyễn Trọng K, bà Phạm Thị Xuân H thỏa thuận với bà Nguyễn Thị Mỹ L còn nợ lại số tiền vay là 200.000.000đ. Ngoài ra, ông K, bà H có thuê ruộng của ông T diện tích 8.000m^2 với số tiền là 15.500.000đ/1 năm. Sau đó, ông K, bà H đã trả được số tiền 70.000.000đ. Hiện nay, ông K, bà H thừa nhận còn nợ ông T số tiền là 145.500.000đ. Ông K, bà H chấp nhận trả; thế nhưng, do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên xin trả dần cho đến khi trả xong số tiền 145.500.000đ.

[3]. Những chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án những chứng cứ sau: 01 tờ giấy kẽ ô, có chữ viết tay bằng mực màu xanh, có ghi các ngày 1/4/14 K H nợ B 200.000.000đ; /4/2014 tiền ruộng hợp đồng Bâm 7.750.000đ, K trả lại đền ngày 1/9/2014 và 24/12 K bán 4120 lúa không tươi x 4800 = 19.776.000đ, trong đó có 01 chữ ký không ghi tên; 02 đơn trình bày của bà Nguyễn Thị Mỹ L; 02 đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt của bà Nguyễn Thị Mỹ L

[4]. Những vấn đề các đương sự đã thống nhất:

Ông Phạm Trường T, ông Nguyễn Trọng K đều thống nhất thừa nhận: Vào ngày 01/4/2014 các bên xác định số nợ mà ông K, bà H vay là 200.000.000đ. Số tiền thuê ruộng ông K, bà H còn nợ là 15.500.000đ. Số tiền ông K, bà H còn nợ ông T là 145.500.000đ.

[6]. Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh:

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 146, Điều 147, 203, 227, 228 BLTTDS năm 2015.

Các Điều 471, 474, 476 BLDS năm 2005.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà ông Phạm Trường T.

Buộc ông Nguyễn Trọng K và bà Phạm Thị Xuân H phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Phạm Trường T 145.500.000đ. Chia phần mỗi người phải có trách nhiệm trả cho ông T 72.275.000đ.

Về án phí:

Ông Nguyễn Trọng K, bà Phạm Thị Xuân H có trách nhiệm liên đới nộp 7.275.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Trả lại cho ông Phạm Trường T 4.893.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Mặc dù, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn bà Phạm Thị Xuân H lần thứ hai nhưng bà H đều vắng mặt tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Kện Tánh Linh đề nghị xét xử vắng mặt bà H. Căn cứ vào quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật trong vụ án:

ông Phạm Trường T khởi kiện buộc ông Nguyễn Trọng K, bà Phạm Thị Xuân H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T số tiền vay còn nợ là 145.500.000đ. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo quy định tại các khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015 và Điều 471 BLDS năm 2005 là phù hợp. Cho nên, vụ án

này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Kện Tánh Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015.

[3] Về yêu cầu trả nợ vay của nguyên đơn - Anh Phạm Trường T:

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Phạm Trường T và ông Nguyễn Trọng K đều thừa nhận: Vào ngày 01/4/2014 giữa vợ chồng ông K, bà H đã xác định số tiền nợ đã vay của ông T, bà Linh là 200.000.000đ. Ngoài ra, ông K, bà H còn nợ số tiền thuê ruộng của ông T, bà L là 15.500.000đ. Tổng số tiền mà ông K, bà H nợ ông T, bà Linh là 215.500.000đ. Trong thời gian qua, ông K, bà H đã trả được tổng số tiền là 70.000.000đ. Hiện nay, ông K, bà H còn nợ ông T 145.500.000đ.

Ông T cho rằng: Hiện nay, ông T và bà Nguyễn Thị Mỹ L đã ly hôn. Bà Nguyễn Thị Mỹ L xác định số tiền mà ông K, bà H còn nợ là tài sản riêng của ông T. Cho nên, ông T khởi kiện buộc ông K, bà H phải trả số tiền 145.500.000đ cho ông T. Tại phiên tòa ông Nguyễn Trọng K chấp nhận trả số tiền này cho ông T.

Căn cứ vào đơn trình bày ngày 25/12/2017, đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, ngày 25/12/2017 của bà Nguyễn Thị Mỹ L đã xác định "Hiện nay, bà L và ông T đã ly hôn. Bà L và ông T đã thỏa thuận giao cho ông T được quyền sở hữu toàn bộ số tiền mà ông K, bà H đã vay; đây là tài sản thuộc quyền sở hữu của cá nhân ông T, không phải là tài sản chung của ông T và bà L".

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Trường T về việc buộc vợ chồng ông Nguyễn Trọng K, bà Phạm Thị Xuân H có trách nhiệm trả cho ông T số tiền 145.500.000đ là có căn cứ chấp nhận và phù hợp với quy định tại các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

[4] Về tiền lãi:

Ông Phạm Trường T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền 145.500.000đ nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của ông Phạm Trường T được chấp nhận nên cần buộc ông Nguyễn Trọng K, bà Phạm Thị Xuân H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 147 BLTTDS năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa IV về án phí, lệ phí.

[7] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Trường T về việc buộc ông Nguyễn Trọng K, bà Phạm Thị Xuân H phải trả số tiền 145.500.000đ là có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 điều 35, các Điều 147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa IV về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Trường T đối với ông Nguyễn Trọng K, bà Phạm Thị Xuân H:

Xử buộc ông Nguyễn Trọng K, bà Phạm Thị Xuân H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Trường T số tiền là 145.500.000đ (một trăm bốn mươi lăm triệu, năm trăm ngàn đồng).

Chia phần:

Ông Nguyễn Trọng K phải có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Trường T số tiền 72.750.000đ (Bảy mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Bà Phạm Thị Xuân H phải có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Trường T số tiền 72.750.000đ (Bảy mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi như sau:

+ Trường hợp các bên có thỏa thuận thì mức lãi suất không được vượt quá 20%/năm.

+ Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì mức lãi suất là 10%/năm

- Về án phí*:*

Buộc ông Nguyễn Trọng K, bà Phạm Thị Xuân H phải liên đới nộp 7.275.000đ (Bảy triệu, hai trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Trả lại cho ông Phạm Trường T số tiền tạm ứng án phí 4.893.000đ (Bốn triệu tám trăm chín mươi ba ngàn đồng) mà ông T đã nộp theo biên lai số N.0012268, ngày 15/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh.

Án xử sơ thẩm công khai. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án - Ngày 06/6/2018. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự ***(Đã giải thích quyền kháng cáo)***.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H.T;
- CC THA DS H.T;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Yến